TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **02**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 11/01/2018 V/v*: "Ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Hà Quế Phương**

Bà **Vũ Thị Mùi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Hồng Uyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường C-Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thị Kim P**, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: 65A-ấp 1-xã T-Thành phố B-tỉnh Đ-Việt Nam

- *Bị đơn*: Ông **Lê Thanh L,** sinh năm: 1960.
Địa chỉ: 6916 Cartier M Q Canada.

(Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị Kim P trình bày:

Bà và ông Lê Thanh L quen biết nhau qua giới thiệu của em gái bà là Trương Thị Phương L định cư tại Canada do làm chung công ty qua điện thoại từ tết cổ truyền năm 2000. Hai bên thường xuyên trao đổi với nhau qua thư từ và điện thoại dần dần phát sinh tình cảm. Vào tháng 12/2001 ông L về Việt Nam thăm gia đình và gặp nhau thấy có tình, hợp ý nên quyết định tiến tới hôn nhân.

Ngày 12/4/2002 bà và ông L đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 445/UBT. Sau khi có giấy chứng nhận kết hôn thì ông L đã làm thủ tục bảo lãnh cho bà, trong buổi phỏng vấn lãnh sự yêu cầu bổ sung thêm chứng cứ quen biết. Trong thời gian chờ bổ sung chứng cứ thì giữa giữa bà và ông L

phát sinh mâu thuẫn không ai thông cảm cho ai nên mỗi ngày mâu thuẫn càng trầm trọng hơn do tính cách và lối sống giữa hai bên có sự khác biệt, không hòa hợp nên cách suy nghĩ hoàn toàn trái ngược nhau. Từ khi trao đổi với ông L về việc ly hôn qua điện thoại lần cuối tháng 4/2003 đến nay giữa ông bà không còn liên lạc với nhau, điện thoại đổi số bà đã nhờ em gái có địa chỉ tìm thì ông L không còn ở đó. Thời gian xa cách đã lâu nên bà xác định không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông Lâm.

Về tài con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Thanh L đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đ, Việt Nam thực hiện thủ tục để tống đạt thông báo các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử) nhưng ông L không có lời khai.

***- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà P với ông L là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2002. Sau khi kết hôn ông L về Canada, và từ năm 4/2003 đến nay mất liên lạc, nên bà P có đơn ly hôn. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đã thực hiện thủ tục để tống đạt thông báo các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử) nhưng ông L vẫn không có ý kiến phản hồi chứng tỏ hôn nhân không thể hàn gắn đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà P được ly hôn ông L. Về con chung và tài sản chung, nợ chung bà P khai không có, nhưng không có lời khai của ông L nên chưa xác định được về vấn đề này, nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Ông Lê Thanh L đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam thực hiện thủ tục để tống đạt thông báo các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết

định đưa vụ án ra xét xử) theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông L không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim P và ông Lê Thanh L xây dựng gia đình vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2002, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông L trở về Canada, ông L làm thủ tục bảo lãnh bà P sang định cư tại Canada, trong buổi phỏng vấn lãnh sự yêu cầu bổ sung thêm chứng cứ quen biết và trong thời gian chờ đợi thì hai bên phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, đến tháng 4/2003 ông L cắt đứt liên lạc với bà P và ông L đã đổi số điện thoại và địa chỉ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn , do thời gian cách đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P có đơn ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông H cố tình bỏ mặc, không quan tâm vun đắp tình cảm vợ chồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có, nhưng không có lời khai của ông Lâm về việc này, nên không xem xét giải quyết, giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 273, Điều 469, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trương Thị Kim P. Bà Trương Thị Kim P được ly hôn ông Lê Thanh L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Trương Thị Kim P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 007476 ngày

03/3/2017/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà P phải chịu. Bà P đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị Kim P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Lê Thanh L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh ĐN (1)
-Cục THADS tỉnh ĐN (1)
-Đương sự (2)
-Lưu (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân — Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Quế Phương — **Vũ Thị Mùi** — **Phạm Thị Xuân Đào**